

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 13/TTr-SNNMT ngày 07/01/2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật, lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung: 13 lĩnh vực bảo vệ thực vật, lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết, có phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 02 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 và Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*Chi tiết, có phụ lục II đính kèm*).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- CVP, các PVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, NN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ  
LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT, LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (Công bố tại Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</b>								
1	1.014605	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (Công bố tại Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</b>								
1	1.014630	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		x	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
					- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (gọi tắt là Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025).

## A2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I		<b>LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b> (Công bố tại Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)							

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không đề xuất cắt giảm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm - Thông tư số 44/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu. - Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									- Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ các thông tư do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (Công bố tại Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</b>								
1	3.000198	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	14 ngày làm việc	07 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống		x	Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
					- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/01 vườn giống			<i>dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (gọi tắt là Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)</i>
2	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	04 ngày làm việc	02 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	<i>Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025</i>
3	1.007916	<i>Nộp tiền trồng rừng thay thế</i>	<i>(1) Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án: 18 ngày làm việc (2) Trường hợp bố trí</i>	<i>(1) Trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án: 09 ngày làm việc (2) Trường hợp bố trí</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	<i>Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025</i>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác: 27 ngày làm việc</i>	<i>thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác: 23,5 ngày làm việc</i>					
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC KIỂM LÂM (Công bố tại Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</b>								
1	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: trong thời hạn 02 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		<i>Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025</i>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			nội dung phức tạp: trong thời hạn 04 ngày làm việc.						
2	1.004819	<i>Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</li> </ul>	Không quy định		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025);</li> <li>- Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)</li> </ul>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc.</i> <i>Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES)</i>	<i>Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc.</i> <i>Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 12 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ</i>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
				<i>của ban thư ký CITES)</i>					
3	3.000496	<i>Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn Cơ quan khoa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc</li> <li>- Trường hợp cần tham vấn Cơ quan khoa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</li> </ul>	Không quy định		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025</li> <li>- Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)</li> </ul>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc. Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES)</i>	<i>CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc. Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 12 ngày làm việc (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES)</i>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC</b> (Công bố tại Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)								
1	1.008672	<i>Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên</i>	<i>11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</i>	<i>09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15. - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025. - Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)
2	1.014022	<i>Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên</i>	16 ngày làm việc	13 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ	Không quy định		x	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15. - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
					hành chính công cấp xã				- Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)
3	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15. - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 - Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)
4	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	27 ngày làm việc	25 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15. - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 - Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025)

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày       /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>		
1	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC</b>		
1	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp